

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 5- 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tuấn; Ông Nguyễn Quang Hợp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân  
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST - HNGĐ, ngày 08/02/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Triệu Á, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1989 (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

(Hiện anh Hoàng Văn B đang chấp hành án tại Đội 40, K1 Trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Triệu Á trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn B kết hôn năm 2012, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà chồng tại xóm L, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B rượu chè, cờ bạc, không tu chí làm ăn, sau đó anh B còn có hành động vũ phu với mẹ con tôi. Từ cuối năm 2013 thì vợ chồng tôi bắt đầu sống ly thân, tôi chuyển về sống cùng với bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Hiện anh

B đang đi chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an, anh Bền bị bắt về tội gì và thời gian chấp hành án là bao lâu thì tôi không rõ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh Bền có 01 con chung: Hoàng Thành T, sinh ngày 04/7/2013, hiện cháu đang ở với bố mẹ anh B. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay, không vay nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B do đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an, Tòa án đã tiến hành ủy thác theo quy định, tại lời khai của bị đơn anh Hoàng Văn B trình bày: Tôi và chị Nguyễn Triệu Á kết hôn năm 2012, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà nhà bố mẹ đẻ tôi xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi bị bắt, còn vợ tôi đi nước ngoài, tình cảm dần không còn. Nay cô Á làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Á xin ly hôn, tôi nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị Á có 01 con chung: Hoàng Thành T, sinh ngày 04/7/2013. Hiện con chung đang ở với bố mẹ đẻ tôi. Khi ly hôn, chị Á có nguyện vọng nuôi con chung, tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay, không vay nợ ai.

Các tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Hoàng Văn B và Nguyễn Triệu Á (bản chính); 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị H (bản sao); 01 Giấy khai sinh Hoàng Thành T (bản sao); 01 Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Triệu Á (bản sao); Anh B không giao nộp tài liệu gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Á vẫn giữ nguyên đề nghị xin ly hôn với anh Hoàng Văn B. Về con chung chị Á có nguyện vọng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, chị Á xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay, không vay nợ ai, chị cũng xác định không có công sức đóng góp gì trong gia đình nhà anh B nên chị không ý kiến, không đề nghị gì. Anh B vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Triệu Á được ly hôn anh Hoàng Văn B.

+ Về con chung: Giao con chung Hoàng Thành T, sinh ngày 04/7/2013 cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về quyền thăm nom con chung: Anh B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay, không vay nợ ai nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Á phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, do anh Bền đang chấp hành án tại Đội 40, K1, Trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an, anh có đơn xin giải quyết vắng mặt nên phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Hoàng Văn B có hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Hoàng Văn B vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Triệu Á và anh Hoàng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật do đó, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị Á xác định vào năm 2013 vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B rượu chè, cờ bạc, không tu chí làm ăn, sau đó anh B còn có hành động vũ phu với chị và con chung. Từ cuối năm 2013 thì vợ chồng tôi bắt đầu sống ly thân, chị chuyển về sống cùng với bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau, hiện anh B đang đi chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an, anh Bền bị bắt về tội gì và thời gian chấp hành án là bao lâu thì chị Á không rõ, nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh B xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị bắt và phải đi chấp hành án, còn chị Á đi nước ngoài làm ăn, tình cảm vợ chồng dần không còn. Nay

chị Á làm đơn xin ly hôn anh xác định không còn tình cảm và nhất trí ly hôn, tại phiên tòa anh B vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Á và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị Ánh là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị Ánh, cho chị Nguyễn Triệu Á được ly hôn anh Hoàng Văn B là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả chị Ánh và anh Bền đều xác định vợ chồng có 01 con chung Hoàng Thành Trung, sinh ngày 04/7/2013. Khi ly hôn chị Ánh có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh Bền xác định chị Ánh có nguyện vọng nuôi con chung, anh không có ý kiến gì.

HĐXX xét thấy hiện tại anh Bền đang đi chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an, nguyện vọng của con chung cháu Hoàng Thành T xin được ở với chị Á khi bố mẹ ly hôn, xét đề nghị của chị Á có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung là có căn cứ nên cần giao con chung Hoàng Thành T cho chị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị Á, anh B có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị Á và anh B đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên HĐXX không xem xét.

Về công sức đóng góp trong gia đình: Phía chị Á xác định không có công sức đóng góp gì trong gia đình nhà anh B, chị không ý kiến và không đề nghị gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Á, anh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Triệu Á, cho chị Á được ly hôn anh Hoàng Văn B.

**2. Về con chung:** Giao con chung Hoàng Thành T, sinh ngày 04/7/2013 cho chị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị Á, anh B có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét

Về quyền thăm nom con chung: Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản, nợ chung:** Không xem xét.

**4. Về án phí.** Chị Á phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003867, ngày 08/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Án xử công khai, báo cho chị Á được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã Hoàng Nông;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Ngọc Hải**